

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Giới thiệu về dự án:

- 1.1. Tên dự án: Hạ tầng Khu tái định cư Đài Xuyên, đặc khu Vân Đồn.
- 1.2. Địa điểm xây dựng: Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.
- 1.3. Người quyết định đầu tư: UBND đặc khu Vân Đồn.
- 1.4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- 1.5. Loại, nhóm dự án; loại cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Công trình Hạ tầng kỹ thuật cấp III, dự án nhóm C.

1.6. Mục tiêu dự án:

- Đáp ứng nhu cầu về chỗ ở khi triển khai xây dựng khu nhà tái định cư, bảo đảm người dân có nơi ở mới ổn định, an toàn, tránh tình trạng người dân phải sống tạm bợ, kéo dài khi chưa có nơi tái định cư.

- Đảm bảo quyền lợi và ổn định đời sống của người dân nhanh chóng ổn định đời sống; Có điều kiện sinh hoạt và phát triển kinh tế, xã hội tương đương hoặc tốt hơn nơi ở cũ; Hạn chế khiếu nại, xung đột phát sinh do thiếu điều kiện sống phù hợp.

- Góp phần phát triển đô thị và hạ tầng xã hội; Tạo ra các khu dân cư mới hiện đại, đồng bộ; Góp phần chỉnh trang đô thị, mở rộng không gian phát triển; Thu hút dân cư, dịch vụ và tạo giá trị kinh tế – xã hội lâu dài.

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng đặc khu Vân Đồn thành một trung tâm kinh tế, chính trị trong khu vực.

1.7. Quy mô dự án:

*** *Hạng mục san nền, đường giao thông:***

+) Khu 1:

- Khối lượng đào nền: 6.860,83m³; Khối lượng đắp nền: 24.755,52m³; Khối lượng vét bùn, hữu cơ: 4.432,87m³

- Chiều dài tuyến 1 L= 202,15m. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường B_{nền}=20,50m; Trong đó: Bề rộng nền đường: B_{mặt}= 20,50m. Bề rộng mặt đường: B_{mặt}= 10,50m (bao gồm rãnh tam giác 2x0,25=0,50m). Bề rộng vỉa hè: B_{vh}= 2x5,0=10,0m.

- Chiều dài tuyến 2: L= 199,94m. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường B_{nền}=18,0m; Trong đó: Bề rộng nền đường: B_{mặt}= 18,0m. Bề rộng mặt đường: B_{mặt}= 8,0m (bao gồm rãnh tam giác 2x0,25=0,50m). Bề rộng vỉa hè: B_{vh}= 2x5,0=10,0m.

- Chiều dài tuyến 3: L= 127,56m. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường B_{nền}=17,0m; Trong đó: Bề rộng nền đường: B_{mặt}= 17,0m. Bề

rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ (bao gồm rãnh tam giác $2 \times 0,25 = 0,50\text{m}$). Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$.

- Chiều dài tuyến 4: $L = 89,35\text{m}$. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 17,0\text{m}$; Trong đó: Bề rộng nền đường: $B_{\text{mặt}} = 17,0\text{m}$. Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ (bao gồm rãnh tam giác $2 \times 0,25 = 0,50\text{m}$). Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$.

- Chiều dài tuyến 5: $L = 50,51\text{m}$. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 17,0\text{m}$; Trong đó: Bề rộng nền đường: $B_{\text{mặt}} = 17,0\text{m}$. Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ (bao gồm rãnh tam giác $2 \times 0,25 = 0,50\text{m}$). Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$.

- Chiều dài tuyến 6: $L = 27,8\text{m}$. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 13,0\text{m}$; Trong đó: Bề rộng nền đường: $B_{\text{mặt}} = 13,0\text{m}$. Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 8,0\text{m}$ (bao gồm rãnh tam giác $0,25\text{m}$). Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 5,0\text{m}$.

+) Khu 2:

- Khối lượng đào nền: $5.815,42\text{m}^3$; Khối lượng đắp nền: $24.955,39\text{m}^3$; Khối lượng vét bùn, hữu cơ: $3.984,3\text{m}^3$

- Chiều dài tuyến 1: $L = 88,38\text{m}$. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 18,0\text{m}$; Trong đó: Bề rộng nền đường: $B_{\text{mặt}} = 18,0\text{m}$. Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 8,0\text{m}$ (bao gồm rãnh tam giác $2 \times 0,25 = 0,50\text{m}$). Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$.

- Chiều dài tuyến 2: $L = 130,43\text{m}$. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 15,0\text{m}$; Trong đó: Bề rộng nền đường: $B_{\text{mặt}} = 15,0\text{m}$. Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ (bao gồm rãnh tam giác $2 \times 0,25 = 0,50\text{m}$). Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 5,0 + 3,0 = 8,0\text{m}$.

- Chiều dài tuyến 3: $L = 78,0\text{m}$. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 17,0\text{m}$; Trong đó: Bề rộng nền đường: $B_{\text{mặt}} = 17,0\text{m}$. Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ (bao gồm rãnh tam giác $2 \times 0,25 = 0,50\text{m}$). Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$.

- Chiều dài tuyến 4: $L = 88,0\text{m}$. Thiết kế mặt cắt ngang với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 17,0\text{m}$; Trong đó: Bề rộng nền đường: $B_{\text{mặt}} = 17,0\text{m}$. Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$ (bao gồm rãnh tam giác $2 \times 0,25 = 0,50\text{m}$). Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$.

- Loại mặt đường: Mặt đường mềm bê tông nhựa, tải trọng trục tính toán $P = 10$ tấn, $E_{\text{yc}} = 130$, bao gồm các loại sau:

- Kết cấu áo đường:

+ BTN C12.5 dày 5cm

+ Nhựa dính bám 0,5 kg/m²

+ BTN C19 dày 7cm

- + Nhựa thấm bám 1 kg/m²
- + Cấp phối đá dăm loại 1 dày 18 cm
- + Cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm
- + Cấp phối đồi đầm chặt K=0,98
- Kết cấu lát hè đảm bảo yêu cầu về kiến trúc cảnh quan.
- + Lát đá tự nhiên kích thước 40x40x4cm
- + Vữa xi măng M75 dày 2cm
- + Bê tông lót M150 đá 2x4 dày 10cm
- + Đất san nền đầm chặt k=0,95.

- Vía hè, dải mép, cây xanh: Rãnh tam giác được đặt dưới lòng đường dọc theo mép bó vỉa của vỉa hè; bề rộng 0,25m, vuốt dốc thoát nước 10%. Kết cấu: Rãnh tam giác bằng viên đá xẻ xanh. Móng bằng bê tông xi măng M150 đá 1x2 dày 10cm.

- Viên bó vỉa: Kích thước 100x30x20cm đối với đường thẳng, 30x30x20cm đối với đường cong; chênh cao giữa mép đường và hè đường là 12,5cm. Viên bó vỉa bằng đá xẻ xanh; vữa lót mác 75 dày 2,0cm; bê tông lót mác 150 đá 1x2 dày 10cm.

- Vía hè: Thiết kế lát viên đá xẻ xanh, trên vỉa hè lát viên dẫn hướng và dừng bước cho người khuyết tật, chiều rộng vỉa hè là 5,0m dành cho người đi bộ và tạo không gian bố trí các công trình hạ tầng nổi, ngầm. Kết cấu: Lát đá xẻ 40x40x5cm; vữa lót mác 75 dày 2,5cm; bê tông lót mác 150 đá 1x2 dày 10cm.

- Cây xanh: Phạm vi vỉa hè bố trí trồng cây cọ hoặc cây Bằng Lăng (chiều cao $H \geq 3,5m$), cách trung bình 10m/cây để phù hợp với tầm nhìn; thiết kế hố trồng cây, khoảng cách trung bình 10m/hố; kích thước phủ bì 1,22x1,22m; kết cấu hố trồng cây xây gạch VXM M75 dày 22cm, đỉnh rộng 11cm, đáy rộng 15cm; dưới lớp kết cấu vỉa hè. Lòng hố đổ đất màu dày 1,0m.

- An toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông được bố trí đầy đủ theo các quy định hiện hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT.

*** Hạng mục thoát nước mưa:**

- Thoát nước mưa: Để thu nước mặt đường và khu dân cư tại các vị trí có vỉa hè, thiết kế hệ thống rãnh dọc KĐ60÷KĐ80.

- Kết cấu rãnh KĐ60÷KĐ80 như sau: Tường rãnh xây gạch vữa XMM75, móng rãnh BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm phía dưới đệm cát dày 10cm; mũ mố BTCT M200 đá 1x2, bản đáy BTCT M200 đá 1x2 dày 10cm. Rãnh qua đường sử dụng cống BTCT đúc sẵn khẩu độ 800x800, tải trọng thiết kế HL93.

- Hố ga thăm: Bố trí 25-30m hố thu nước trực tiếp kích thước 1,69x1,69m. Thành giếng thăm xây bằng gạch vữa mác 75, dày 330mm, trát vữa xi măng mác 75, dày 2cm. Nắp giếng được đặt bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200

dày 10cm. Lòng giếng được láng vữa xi măng mác 75 dày 2cm. Cổ giếng sử dụng BTCT đá 1x2 mác 200, đế giếng sử dụng bê tông đá 2x4 mác 150, dày 15cm, lớp lót đệm cát đen dày 10cm.

- Hồ thu nước trực tiếp kết nối với tuyến cống dọc bằng ống HDPE D315 với khoảng cách 25-30m/hố, kích thước hố ga 0,8x1,1m, kết cấu hố ga bằng BTCT M200 đá 1x2 dày 15cm.

- Tần suất lũ thiết kế: $P = 2\%$.

*** *Hạng mục thoát nước thải:***

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy. Nước thải được thu gom vào tuyến cống BTCT D300 đặt ở trước các dãy nhà sau đó được dẫn vào trạm xử lý nước thải tập trung.

- Vật liệu cống: Cống thoát nước được chế tạo sẵn theo tiêu chuẩn Việt Nam, bằng bê tông cốt thép mác cao (Mác 200-350), sử dụng cống có chiều dày thành $a = 3-5\text{cm}$. Yêu cầu bề mặt phía trong phải nhẵn, kín tránh hiện tượng thép lộ ra ngoài để mục đích tránh sự ăn mòn trong quá trình sử dụng và vận hành. Ngoài ra yếu tố rò rỉ và thẩm thấu nước thải qua cống phải được tính đến, vì vậy cống sử dụng không được nứt, rạn, cường độ chịu tải kém... Các đoạn cống BTCT được thiết kế có chiều dài từng đoạn là: 1-4 m, quy cách cống đó là một đầu loe, một đầu tron.

- Giếng thăm: Thiết kế giếng thăm ở các chỗ giao nhau của các tuyến cống, giếng thăm làm nhiệm vụ chuyển hướng nước chảy của cống, tránh xáo trộn thủy lực và đảm bảo nước thải tự chảy.

+ Giếng thăm thiết kế theo yêu cầu quy phạm kích thước 1000x1000mm, Vật liệu xây dựng: thành giếng thăm xây bằng gạch vữa mác 75, dày 220mm, trát vữa xi măng mác 75, dày 20mm. Nắp giếng được đặt bằng nắp đan BTCT, dày 10mm. Cổ giếng sử dụng bê tông đá 1x2 mác 200, đế giếng bằng bê tông đá 1x2 mác 200 dày 150mm, dưới đệm cát đen tưới nước đầm chặt dày 100. Việc lên xuống giếng sử dụng các thanh thép, khoảng cách 300mm/1 thanh.

- Trụ bê tông đỡ cống: các gối đỡ cống thiết kế bằng các gối đỡ đúc sẵn, vật liệu: bê tông mác 200, cao 200 mm. Khoảng cách giữa các gối đỡ được đặt theo yêu cầu quy phạm và thực tế hiện trường (khoảng cách giữa hai gối đỡ là: 1m). Gối đỡ cống chủ yếu chịu tải trọng nén nên yêu cầu gối đỡ phải chịu được cường độ nén theo tiêu chuẩn.

*** *Hạng mục trạm xử lý nước thải:***

- Khu 1: Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt cần xử lý là: 67.00m³/ngđ. Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày.đêm.

- Khu 2: Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt cần xử lý là: 55.65 m³/ngđ. Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày.đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải (NTSH) theo quy trình xử lý như sau: Bể điều hòa; Bể thiếu khí; Bể hiếu khí; Bể lắng; Bể khử trùng; Nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống thiết bị gồm: bơm nước thải hồ thu, bơm nước thải bể điều hòa, bơm bể khử trùng sau xử lý, bơm hóa chất, máy khuấy chìm bể thiếu khí, máy thổi khí, bộ điều chỉnh pH, thiết bị xử lý mùi nước thải nhựa PP D600, đồng hồ đo lưu lượng nước sau xử lý, bồn chứa hóa chất...

- Các hạng mục và hệ thống phụ trợ: nhà điều hành, hệ thống cấp điện trong và ngoài nhà điều hành; Hệ thống đường ống công nghệ; Vi sinh xử lý nước thải; Hóa chất vận hành ban đầu....

*** Hạng mục cấp nước:**

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước cung cấp cho khu dự án lấy từ đường ống cấp nước D160 hiện trạng ở phía Đông khu dự qua các điểm khởi thủy đưa vào mạng phân phối cung cấp cho các đơn nguyên dùng nước.

- Hệ thống cấp nước gồm: Hệ thống cấp nước sinh hoạt, cứu hỏa.

- Bố trí hồ đồng hồ đầu tuyến cấp nước chính và hồ van tại vị trí đầu của các tuyến ống cấp nước nhằm giúp cho việc điều tiết nước giữa các khu vực, thuận tiện cho việc kiểm tra, sửa chữa, đường ống khi có sự cố rò rỉ. Hồ van sử dụng kết cấu xây gạch đặc vữa xi măng mác 75, đáy bê tông đá 2x4 mác 150, miệng giếng BTCT đá 1x2 mác 200, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200.

- Vật liệu dùng làm ống dẫn nước của khu vực: Sử dụng ống nhựa HDPE với đường kính ống D63÷D110. Các thiết bị nối ống như thập, tê, cút...sử dụng vật liệu quy cách đúng chủng loại. Dùng phương pháp hàn, ren và mặt bích để nối ống với nhau hoặc ống với các thiết bị.

- Tuyến ống cấp nước chôn sâu 0.5m, tuyến ống qua đường đặt trong ống lồng thép để bảo vệ.

- Tuyến cấp nước được đi trên vỉa hè đặt chìm dưới đất để thuận lợi cho việc quản lý và lắp đồng hồ đo nước.

- Hạng cứu hỏa lấy nước từ mạng lưới đường ống DN110, đặt hạng cứu hỏa tại những ngã ba, ngã tư, nơi gần các công trình và đảm bảo bán kính phục vụ không lớn hơn 400m tính theo đường di chuyển của vòi chữa cháy đi bên ngoài nhà.

*** Hạng mục cấp điện, chiếu sáng:**

+ Phần đường dây trung thế:

- Tháo dỡ, thu hồi toàn bộ vật tư, thiết bị tại 04 vị trí cột trung thế: (cột số 124; 125; 126; 124.1) thuộc đường dây 371 E5.38. Vật tư thu hồi bao gồm: cách điện, xà néo dây. Cột BTLT14 đến 16m; dây dẫn sử dụng Cáp nhôm trần lõi thép AC-70mm² và phụ kiện đường dây.

- Xây dựng mới các đoạn tuyến đường dây 35kV để thay thế cho các đoạn tuyến phải thu hồi, cụ thể như sau:

Khu 1:

+) Đoạn tuyến đường dây từ cột 123 (hiện trạng) đến cột 127 (hiện trạng):

- Trồng mới 02 vị trí cột đúp 2 BTLT 20m, Cột bê tông ly tâm 20m, loại NPC.I.20-190-13KN (Cột 124 XDM) và (Cột 126 XDM) để thay thế cho vị trí cột bị ảnh hưởng.

- Hạ ngầm đoạn từ (Cột 124 XDM) đến (Cột 126 XDM) và từ cột (Cột 124 XDM) đến cột TBA Đài Xuyên 4 (hiện trạng), dây dẫn sử dụng Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 20/35(40,5)kV-3x150mm². Chiều dài đoạn tuyến khoảng: 323m

- Đoạn từ 123 hiện trạng đến (cột 124 XDM) và từ (cột 126 XDM) đến cột 127 hiện trạng: kéo rải lại dây dẫn hiện có Cáp nhôm trần lõi thép AC-70mm².

+ Các chi tiết xà và kết cấu thép được chế tạo bằng thép hình và mạ kẽm theo quy định, chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$, lắp ghép bằng bu lông.

+ Cách điện: sử dụng sứ chuỗi néo thủy tinh 35kV và sứ đứng 35kV được chế tạo theo tiêu chuẩn hiện hành.

+ Tiếp địa: tiếp địa an toàn cho vị trí cột dựng mới với $R_{td} \leq 10\Omega$

+) Đoạn tuyến đường dây từ (cột 126 XDM) đến trạm biến áp T8-630kVA (khu 1):

- Cáp: sử dụng cáp ngầm Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 20/35(40,5)kV-3x50mm², có đặc tính chống thấm dọc. Toàn bộ tuyến cáp được luồn trong ống nhựa chịu lực HDPE D160/125 (đoạn qua đường, ống nhựa được lồng trong ống thép mạ kẽm DN200, 2 đầu bịt dây đay tẩm bitum) và chôn ngầm dưới đất. Vỏ kim loại hai đầu mỗi đoạn tuyến được nối đất theo quy phạm.

- Tại mỗi vị trí cột đầu nối, lắp đặt 01 bộ cầu dao cách ly 35kV-630A và 01 bộ chống sét van 35kV để phân đoạn và bảo vệ đoạn tuyến cáp ngầm. Các chi tiết xà, giá đỡ, thang treo và các kết cấu thép được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định.

Khu 2:

+) Đoạn tuyến đường dây từ cột 114 (hiện trạng) đến cột 115 (hiện trạng):

- Trồng mới 02 vị trí cột đúp 2 BTLT 20m, Cột bê tông ly tâm 20m, loại NPC.I.20-190-13KN (Cột 114A XDM) và (Cột 114B XDM) để hạ ngầm đoạn tuyến cắt qua dự án.

- Hạ ngầm đoạn từ (Cột 114A XDM) đến (Cột 114B XDM), dây dẫn sử dụng Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 20/35(40,5)kV-3x150mm². Chiều dài đoạn tuyến khoảng: 178m

- Đoạn từ 114 hiện trạng đến (cột 114A XDM) và từ (cột 114B XDM) đến cột 115 hiện trạng: kéo rải lại dây dẫn hiện có Cáp nhôm trần lõi thép AC-70mm².

+ Các chi tiết xà và kết cấu thép được chế tạo bằng thép hình và mạ kẽm theo quy định, chiều dày lớp mạ $\geq 80\mu\text{m}$, lắp ghép bằng bu lông.

+ Cách điện: sử dụng sứ chuỗi néo thủy tinh 35kV và sứ đứng 35kV được chế tạo theo tiêu chuẩn hiện hành.

+ Tiếp địa: tiếp địa an toàn cho vị trí cột dựng mới với $R_{td} \leq 10\Omega$

+) Đoạn tuyến đường dây từ (cột 114A XDM) đến trạm biến áp T2-560kVA (khu 2):

- Cáp: sử dụng cáp ngầm Cáp Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 20/35(40,5)kV-3x50mm², có đặc tính chống thấm dọc. Toàn bộ tuyến cáp được luồn trong ống nhựa chịu lực HDPE D160/125 (đoạn qua đường, ống nhựa được lồng trong ống thép mạ kẽm DN200, 2 đầu bịt dây đay tẩm bitum) và chôn ngầm dưới đất. Vỏ kim loại hai đầu mỗi đoạn tuyến được nối đất theo quy phạm.

- Tại mỗi vị trí cột đầu nối, lắp đặt 01 bộ cầu dao cách ly 35kV-630A và 01 bộ chống sét van 35kV để phân đoạn và bảo vệ đoạn tuyến cáp ngầm. Các chi tiết xà, giá đỡ, thang treo và các kết cấu thép được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định.

+) Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp công suất 560kVA-35(22)/0,4kV và 01 trạm biến áp công suất 630kVA-35(22)/0,4kV cấp điện cho các phụ tải thuộc dự án, trong đó:

- Trạm được thiết kế theo kiểu hợp bộ, máy biến áp được đặt trên trụ tích hợp tủ cao áp (RMU 38,5kV loại 3 ngăn: 02 ngăn cầu dao phụ tải 630A-38,5kV, 01 ngăn cầu dao phụ tải 200A-38,5kV kèm chì 38,5kV) và tủ tổng hạ áp 1000A.

- Trụ trạm biến áp: Khung chính của trụ bằng thép dày 3mm, thanh gá thiết bị và cửa tủ bằng thép dày 2mm. Bích đế, thanh chịu lực, gân tăng cứng bằng thép dày 10mm. Các kết cấu thép của trụ trạm được sơn tĩnh điện. Cố định máy biến áp vào mặt bích trên bằng bu lông.

- Móng trụ: lót móng bê tông M100, móng bê tông cốt thép M200. Cố định tủ trên bề mặt sử dụng 06 bu lông M28x1.050mm. Toàn bộ bu lông, đai ốc đều được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định.

- Che sứ cao, hạ áp của máy biến áp sử dụng hộp chụp cực được chế tạo bằng tôn dày 2mm dập định hình, sơn tĩnh điện, có khe thông gió.

- Phía cao áp cấp nguồn cho máy biến áp sử dụng 03 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-20/35(40,5)kV tiết diện 1x50mm².

- Phía hạ áp: Cáp từ máy biến áp sang tủ tổng hạ áp sử dụng 08 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-0,6/1kV tiết diện 1x185mm² (02 sợi/pha) đối với TBA 560kVA và 08 sợi cáp đơn pha Cu/XLPE/PVC-0,6/1kV tiết diện 1x240mm² (02 sợi/pha) đối với TBA 630kVA.

- Cáp trung áp và hạ áp được cố định trên thang cáp (có nắp đậy, hàn vào

thân trụ trạm) bằng các côliê. Thang cáp và nắp đáy được chế tạo từ tôn dày 2mm và sơn tĩnh điện.

- Tiếp địa chung của trạm với $R_{td} \leq 4\Omega$.

+) Đường dây hạ thế 0,4kV:

Xây dựng mới các tuyến cáp ngầm hạ áp và lắp đặt mới các tủ công tơ sau các trạm biến áp xây mới, cụ thể:

- Tổng chiều dài các tuyến cáp: 1212m.

- Cáp: sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-0,6/1kV tiết diện từ $(3 \times 50 + 1 \times 35) \text{mm}^2$ đến $(3 \times 95 + 1 \times 70) \text{mm}^2$. Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE $\Phi 105/80$ đến $\Phi 130/100$ và chôn ngầm dưới đất (đoạn qua đường, ống nhựa HDPE được lồng trong ống thép mạ kẽm DN125, DN150, 2 đầu ống được bịt kín bằng dây đay tẩm bitum) và chôn ngầm dưới đất.

- Lắp đặt các tủ công tơ 150A loại 9 công tơ, kích thước $1250 \times 600 \times 500 \text{mm}$. Vỏ tủ được chế tạo bằng tôn tấm dày 2mm, sơn tĩnh điện. Móng tủ: bê tông M200; khung móng: $M16 \times 500 \times 450 \times 650 \text{mm}$, phần móng nổi trên vỉa hè ốp gạch thẻ $210 \times 60 \text{mm}$. Tiếp địa an toàn các tủ công tơ với $R_{td} \leq 10\Omega$.

- Lắp đặt các đường ống từ các tủ công tơ đến các hộ sử dụng điện với tổng chiều dài 1920m để dự phòng luôn cáp sau công tơ. Ống: sử dụng ống nhựa xoắn chịu lực HDPE D50/40, toàn bộ các đoạn ống được chôn ngầm dưới đất theo quy phạm.

+) Chiếu sáng:

- Hệ thống chiếu sáng được điều khiển bởi tủ 50A cấp nguồn từ TBA thuộc dự án. Tủ được thiết kế 03 ngăn: ngăn đo đếm, ngăn điều khiển và ngăn dự phòng lắp đặt thiết bị điều khiển trung tâm, đặt ngoài trời. Móng tủ: bê tông M200; khung móng: $M16 \times 450 \times 250 \times 650$; phần móng nổi trên mặt đất được ốp gạch thẻ $210 \times 60 \text{mm}$.

1.8. Tổng mức đầu tư: 111.445.715.000 đồng.

1.9. Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2028.

1.10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ và ngân sách huyện.

2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 07: Tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II-III/2026.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 17 tháng.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn:

Lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu

về kỹ thuật, tài chính, tiến độ để thực hiện gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng đảm bảo yêu cầu chất lượng, tiến độ, tiết kiệm.

II. Phạm vi công việc:

Phạm vi công việc tư vấn giám sát đảm bảo tuân theo Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; NĐ 212/2026/NĐ-CP Nghị định quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; Nghị định số 217/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu:

- Công trình xây dựng phải được giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Việc giám sát thi công xây dựng công trình phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- + Thực hiện trong suốt quá trình thi công từ khi khởi công xây dựng, trong thời gian thực hiện cho đến khi hoàn thành và nghiệm thu công việc, công trình xây dựng;

- + Giám sát thi công công trình đúng thiết kế xây dựng được phê duyệt, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật và hợp đồng xây dựng;

- + Trung thực, khách quan, không vụ lợi.

- Nhà thầu giám sát thi công xây dựng được lựa chọn phải có đề xuất về giải pháp giám sát và quy trình kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, biện pháp quản lý hồ sơ tài liệu trong quá trình giám sát và nội dung cần thiết khác.

2. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

2.1. Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có các quyền sau:

- a) Tham gia nghiệm thu, xác nhận công việc, công trình đã hoàn thành thi công xây dựng;

- b) Yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện đúng thiết kế được phê duyệt và hợp đồng thi công xây dựng đã ký kết;

- c) Bảo lưu ý kiến đối với công việc giám sát do mình đảm nhận;

- d) Tạm dừng thi công trong trường hợp phát hiện công trình có nguy cơ xảy ra mất an toàn hoặc nhà thầu thi công sai thiết kế và thông báo kịp thời cho chủ đầu tư để xử lý;

- đ) Từ chối yêu cầu bất hợp lý của các bên có liên quan;

- e) Các quyền khác theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

2.2 Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện giám sát theo đúng hợp đồng;
- b) Không nghiệm thu khối lượng không bảo đảm chất lượng; không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật và theo yêu cầu của thiết kế công trình;
- c) Từ chối nghiệm thu khi công trình không đạt yêu cầu chất lượng;
- d) Đề xuất với chủ đầu tư những bất hợp lý về thiết kế xây dựng;
- đ) Giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường;
- e) Bồi thường thiệt hại khi làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng thi công không đúng thiết kế, không tuân theo tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, nhưng người giám sát không báo cáo với chủ đầu tư hoặc người có thẩm quyền xử lý và hành vi vi phạm khác do mình gây ra;
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan

3. Trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng

Nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình phải có trách nhiệm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

a) Cử người có đủ năng lực theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của giám sát trưởng và các chức danh giám sát khác.

b) Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của các chức danh giám sát, lập kế hoạch và quy trình kiểm soát chất lượng, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng.

c) Thực hiện giám sát thi công xây dựng theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng, đề cương đã được chủ đầu tư chấp thuận và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

d) Nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

- Chịu trách nhiệm pháp lý toàn diện về hoạt động của cán bộ giám sát.

Trong trường hợp chữ ký của cán bộ giám sát chỉ có giá trị khi được Nhà thầu tư vấn giám sát uỷ quyền hợp pháp. Nhà thầu tư vấn giám sát phải thay đổi ngay những giám sát không đủ năng lực, khi Chủ đầu tư yêu cầu. Mọi sự thay đổi phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

- Thực hiện tư vấn giám sát theo đúng Quy định giám sát kỹ thuật và nghiệm thu công tác xây lắp, nghiệm thu chuyển giai đoạn, nghiệm thu tổng thể công trình theo Đề cương giám sát công trình đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về giám sát chất lượng công trình theo đúng hồ sơ và quy trình tiêu chuẩn quy phạm hiện hành của Nhà nước. Trong trường hợp xảy ra các sai sót hoặc sự cố do lỗi của Nhà thầu tư vấn giám sát thì tùy theo mức độ thiệt hại Chủ đầu tư sẽ trừ khối lượng thanh toán

hoặc có biện pháp thích đáng để xử lý kể cả thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

- Thay mặt chủ đầu tư phát hiện, đề đạt ý kiến xử lý với thiết kế để kịp thời giải quyết những nội dung chưa phù hợp (nếu có) trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công, tổng dự toán và sửa chữa bổ sung được duyệt như các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện.

- Giám sát và yêu cầu các đơn vị thi công công trình thực hiện đúng theo các quy trình kỹ thuật hiện hành của Nhà nước. Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Giám sát, nghiệm thu chất lượng, khối lượng thực hiện theo quy định hiện hành.

- Giám sát chất lượng, chủng loại vật tư phục vụ cho công trình đảm bảo đúng theo hồ sơ thiết kế, yêu cầu các đơn vị thi công cung cấp chứng chỉ chất lượng vật tư, vật liệu theo quy định hiện hành. Không cho phép đưa vật liệu cấu kiện sản phẩm không phù hợp về chất lượng, quy cách, chưa qua kiểm định vào công trình.

- Báo cáo hàng tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bên A tình hình thi công xây dựng của các Nhà thầu thi công.

- Báo cáo khi nghiệm thu giai đoạn hoàn thành, hoàn thành hạng mục công trình và hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Nhà nước trong quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Hướng dẫn đơn vị thi công hoàn chỉnh thủ tục thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nhà thầu tư vấn giám sát có quyền tạm dừng thi công để báo cho Chủ đầu tư trong những trường hợp sau:

- + Nhà thầu thi công sai và không tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định của Chủ đầu tư.

- + Phát hiện các yếu tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

4. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn.

4.1. Nhiệm vụ của nhà thầu tư vấn giám sát:

- Bố trí nhân sự đủ điều kiện năng lực theo quy định, đồng thời phù hợp với hồ sơ hợp đồng.

- Lập đề cương chi tiết thực hiện Giám sát thi công xây dựng công trình. Nội dung đề cương Giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm: Sơ đồ tổ chức hệ thống giám sát thi công; văn phòng giám sát tại hiện trường; nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung công việc thực hiện của mỗi chức danh giám sát; hệ thống quản lý chất lượng và kế hoạch, quy trình kiểm soát chất lượng; quy trình kiểm tra, nghiệm thu, phương pháp quản lý các tài liệu, hồ sơ; nội dung cần thiết khác

liên quan đến giám sát xây dựng công trình.

- Nội dung đề cương chi tiết phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ hợp đồng và phải được chủ đầu tư chấp thuận trước khi tổ chức Gói thầu 07: Giám sát thi công xây dựng công trình.

- Bố trí các văn phòng giám sát tại hiện trường đảm bảo có đủ diện tích làm việc, đủ thiết bị văn phòng, bàn ghế, tủ, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác giám sát thi công xây dựng; trang bị đồng phục và đầy đủ các dụng cụ bảo hộ, an toàn lao động trong thời gian thực hiện nhiệm vụ (ghi rõ tên nhà thầu tư vấn giám sát, người giám sát thi công xây dựng). Lập hồ sơ theo dõi công tác giám sát thi công hàng ngày cho từng văn phòng và vị trí giám sát để làm cơ sở theo dõi, đánh giá thực hiện và đối chiếu với nhật ký thi công khi cần thiết.

- Số lượng và cơ cấu nhân sự trong mỗi văn phòng, mỗi gói thầu phải bố trí phù hợp với tiến độ xây dựng gói thầu xây lắp, yêu cầu tại từng thời điểm để thực hiện công tác tư vấn giám sát và phải được Chủ đầu tư phê duyệt trên cơ sở đề xuất và trình của tư vấn giám sát trưởng.

- Thực hiện chức năng Giám sát thi công xây dựng công trình theo đúng quy định và tư vấn cho chủ đầu tư trong quản lý, theo dõi, kiểm tra về chất lượng, khối lượng, tiến độ, giá thành xây dựng, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình theo đúng hợp đồng thi công xây dựng, hồ sơ thiết kế được duyệt, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và các điều kiện kỹ thuật liên quan của công trình.

- Kiểm tra, soát xét lại Bản vẽ thiết kế kỹ thuật, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với Chủ đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành;

- Nghiệm thu các công việc do Nhà thầu thi công xây lắp/Nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công thực hiện theo quy định và yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

- Thực hiện các nội dung công việc liên quan khi có yêu cầu của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước trong quá trình thực hiện dự án và khi quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- Chủ trì và phối hợp với nhà thầu thi công để thống nhất (về quy cách, nội dung) và lập các loại biên bản nghiệm thu, nhật ký thi công, phiếu đề xuất lệnh thay đổi (điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán...), các loại văn bản khác liên quan đến quá trình thi công và quản lý chất lượng thi công, trình chủ đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi thi công để áp dụng thống nhất.

- Kiểm tra, có ý kiến và xác nhận vào Bản vẽ thiết kế thi công do nhà thầu xây lắp lập, trình Chủ đầu tư phê duyệt (trừ các trường hợp việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư giao cho đơn vị tư vấn khác thực hiện);

4.2. Giám sát chất lượng:

4.2.1. Kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế và công tác chuẩn bị thi công của nhà thầu thi công, cụ thể:

- Kiểm tra, rà soát lại các bản vẽ thiết kế của hồ sơ mời thầu, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với chủ đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định.

- Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt trong hồ sơ mời thầu, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành được áp dụng cho dự án thực hiện thẩm tra, rà soát, ký xác nhận thiết kế bản vẽ thi công do nhà thầu lập (bao gồm cả tổng mặt bằng công trường của nhà thầu, tiến độ thi công tổng thể, chi tiết...) và trình chủ đầu tư phê duyệt (trừ các trường hợp việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư giao cho đơn vị tư vấn khác thực hiện).

- Căn cứ các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công đã được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh để thẩm tra các đề xuất khảo sát bổ sung của nhà thầu, thẩm tra, rà soát và có ý kiến trình chủ đầu tư xem xét quyết định; thực hiện kiểm tra, giám sát công tác khảo sát bổ sung của nhà thầu, thẩm tra, soát xét và ký phê duyệt hoặc trình chủ đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công, biện pháp thi công và dự toán của những nội dung điều chỉnh, bổ sung đã được chủ đầu tư, ban quản lý dự án chấp thuận, đảm bảo phù hợp với nội dung và điều kiện quy định trong hồ sơ hợp đồng.

- Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại điều 107 của Luật Xây dựng.

- Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác).

- Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công: hệ thống tổ chức các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường, nghiệm thu nội bộ);

phương pháp, quy trình kiểm soát chất lượng, các quy định cụ thể đối với từng bộ phận trong hệ thống quản lý chất lượng.

- Kiểm tra và xác nhận báo cáo chủ đầu tư bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu thi công theo quy định trong hồ sơ hợp đồng, bao gồm cả chứng chỉ kiểm định còn hiệu lực đối với các thiết bị thí

nghiệm; kiểm tra chứng chỉ về năng lực chuyên môn của các cán bộ, kỹ sư, thí nghiệm viên.

4.2.2. Kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công:

- Giám sát chất lượng vật liệu, cấu kiện, sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) cần thiết cung cấp cho dự án, công trình tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyển ngay khỏi công trường.

- Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, chế tạo và bảo dưỡng, bảo quản mẫu, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu (nếu cần thiết) và xác nhận vào phiếu thí nghiệm.

- Kiểm tra, chấp thuận nguồn vật liệu đầu vào; Kiểm tra, giám sát, chấp thuận cấp phối cho bê tông xi măng, công thức trộn của hỗn hợp bê tông xi măng,....

- Kiểm tra phương pháp, trình tự thi công của nhà thầu thi công đối với từng hạng mục công trình, công trình (bao gồm cả các hạng mục, công trình phụ trợ: đà giáo, ván khuôn...) đảm bảo tuân thủ biện pháp thi công do cấp có thẩm quyền đã phê duyệt theo quy định.

- Kịp thời kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng công việc, hạng mục công trình, công trình theo đúng quy định trong hợp đồng, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định hiện hành ngay khi có thư yêu cầu từ nhà thầu thi công, không được chậm trễ hoặc tự ý kéo dài thời gian xử lý mà không báo cáo chủ đầu tư.

- Khi phát hiện nhà thầu có vi phạm, sai phạm (sai sót thi công, khuyết tật, hư hỏng nhỏ, cục bộ) trong quá trình thi công về chất lượng, an toàn... phải yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công và khắc phục ngay hoặc thực hiện đúng hợp đồng đã ký với chủ đầu tư.

Sau khi tạm dừng thi công, phải thông báo ngay cho chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư xem xét quyết định.

- Khi phát hiện hoặc xảy ra các sự cố hư hỏng các bộ phận công trình, phải tạm đình chỉ thi công và lập biên bản hoặc hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành và báo cáo ngay với chủ đầu tư. Tùy theo mức độ sự cố. Thẩm tra giải pháp khắc phục theo đề xuất của nhà thầu thi công hoặc phối hợp với nhà thầu để đề xuất giải pháp khắc phục hậu quả, trình Chủ đầu tư xem xét, giải quyết theo quy định.

- Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng, các hạng mục công việc, bộ phận công trình; yêu cầu tổ chức và tham gia các bước nghiệm thu theo quy định hiện hành.

- Xác nhận bằng biên bản hoặc văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt

yêu cầu về chất lượng theo quy định trong hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật được duyệt.

- Khi nghi ngờ các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu công trình do Nhà thầu cung cấp thì Kỹ sư TVGS kiến nghị Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu vào công trình, bởi một phòng thí nghiệm hợp chuẩn do Chủ đầu tư chỉ định và được Kỹ sư TVGS chấp nhận.

- Yêu cầu Nhà thầu thi công xây dựng công trình lập sổ Nhật ký thi công xây dựng công trình; Sổ nhật ký thi công xây dựng công trình được đánh số trang, đóng dấu giáp lai theo quy định hiện hành.

4.3. Quản lý, giám sát thực hiện tiến độ thi công:

4.3.1. Căn cứ theo bảng tiến độ thi công tổng thể, rà soát tiến độ chi tiết do Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư phê duyệt. Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện của nhà thầu trong quá trình thi công đối với từng hạng mục công việc, hạng mục công trình và công trình đảm bảo phù hợp với tiến độ đã quy định. Trường hợp tiến độ thi công thực tế của một hoặc một số hạng mục công việc, công trình bị chậm so với tiến độ chi tiết, cần yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của gói thầu, dự án, báo cáo chủ đầu tư xem xét chấp thuận; đồng thời kiểm tra đôn đốc đảm bảo tiến độ yêu cầu khi điều chỉnh.

4.3.2. Phối hợp với nhà thầu thi công đề đề xuất hoặc kiểm soát đề xuất của nhà thầu thi công về các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công trên nguyên tắc không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý.

4.3.3. Trường hợp tổng tiến độ của thi công gói thầu, dự án bị kéo dài so với quy định của hợp đồng, thì tư vấn giám sát phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu thi công và các yếu tố khách quan khác, báo cáo chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của hợp đồng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của hợp đồng hoặc dự án theo quy định.

4.3.4. Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công tối thiểu 01 lần một tháng; yêu cầu nhà thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với chủ đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết.

4.3.5. Xác nhận việc kéo dài hoặc rút ngắn tiến độ của nhà thầu thi công làm cơ sở để chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền xem xét việc thưởng, phạt

hoặc các hình thức xử lý theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

4.4. Giám sát về khối lượng và giá thành xây dựng công trình

4.4.1. Kiểm tra xác nhận, nghiệm thu về: khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu thi công lập và trình, giá trị vật tư trên công trường hoặc giá trị bán thành phẩm (nếu có); đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng.

4.4.2. Căn cứ tình hình thực tế thi công và hồ sơ thiết kế được duyệt, điều kiện hợp đồng, xem xét đề xuất của nhà thầu xây lắp, đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời chủ đầu tư về: khối lượng phát sinh có trong hợp đồng gốc, khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng gốc, do các thay đổi về phạm vi công việc và thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

4.4.3. Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh giá, trượt giá, biến động giá; thực hiện yêu cầu của chủ đầu tư trong việc lập, thẩm tra dự toán bổ sung và điều chỉnh dự toán; hướng dẫn và kiểm tra nhà thầu lập hồ sơ trượt giá, điều chỉnh biến động giá theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.4. Cùng tham gia với Chủ đầu tư thương thảo phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng. Đề xuất với chủ đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có).

4.5. Giám sát thực hiện công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

4.5.1. Kiểm tra hồ sơ thiết kế về tổ chức thi công, đảm bảo an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường khi thi công xây dựng của nhà thầu.

4.5.2. Kiểm tra hệ thống quản lý kiểm soát của nhà thầu thi công về công tác an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường; kiểm tra việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường cho các cá nhân tham gia dự án của các nhà thầu.

4.5.3. Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời việc triển khai tại hiện trường của nhà thầu thi công về: bố trí các phương tiện, dụng cụ, thiết bị thi công, phương pháp thi công... phù hợp với hồ sơ được duyệt; những biện pháp đảm bảo an toàn lao động (biện pháp phòng hộ, dụng cụ bảo hộ lao động, chế độ, thời gian làm việc...) và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy nổ, trong quá trình thi công theo đúng quy định.

4.5.4. Tạm dừng thi công khi nhà thầu thi công có dấu hiệu vi phạm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, đồng thời yêu cầu,

hướng dẫn nhà thầu thực hiện các biện pháp khắc phục. Chỉ cho phép tiếp tục thi công khi các điều kiện nêu trên đảm bảo quy định. Báo cáo với chủ đầu tư để quyết định đình chỉ thi công xây dựng hoặc chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng với nhà thầu thi công xây dựng không đáp ứng yêu cầu.

4.5.5. Trường hợp xảy ra sự cố lớn về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ tiến hành lập biên bản, tạm đình chỉ thi công đồng thời có văn bản báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư biện pháp xử lý, làm cơ sở để chủ đầu tư báo cáo và phối hợp với các cơ quan chức năng về an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng xử lý, khắc phục theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép nhằm đảm bảo yêu cầu tiến độ.

4.6. Những nội dung thực hiện khác của TVGS trong quá trình thi công

4.6.1. Xác nhận, đánh giá kết quả thực hiện hàng ngày của nhà thầu thi công vào nhật ký thi công công trình.

4.6.2. Lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi chủ đầu tư. Các nội dung chính cần tập trung báo cáo bao gồm: a) Tình hình thực hiện dự án của nhà thầu thi công: huy động lực lượng (nhân lực, vật tư, thiết bị); công tác giải phóng mặt bằng; khối lượng, giá trị khối lượng công việc thực hiện, giá trị khối lượng được xác nhận giải ngân, thanh toán... đánh giá kết quả thực hiện so với yêu cầu kế hoạch, tiến độ;

b) Tình hình tạm ứng, giải ngân, thanh toán;

c) Những tồn tại và yêu cầu nhà thầu điều chỉnh, khắc phục...;

d) Tình hình hoạt động của tư vấn (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng tư vấn);

đ) Các đề xuất, kiến nghị cụ thể của TVGS...

4.6.3. Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra, thẩm định, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và chủ đầu tư. 6.4. Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận để trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt.

4.6.5. Tham gia thành phần hội đồng nghiệm thu theo quy định.

4.6.6. Phối hợp chặt chẽ với các thành phần của giám sát cộng đồng; tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

4.7. Giám sát trong giai đoạn bảo hành

4.7.1. Kiểm tra tình trạng công trình xây dựng, phát hiện hư hỏng để yêu cầu nhà thầu thi công xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp sửa chữa, thay thế; rà soát và báo cáo chủ đầu tư, ban quản lý dự án xem xét, chấp thuận về nguyên nhân hư hỏng, giải pháp sửa chữa, khắc phục, thay thế của các nhà thầu thi công

4.7.2. Giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng.

4.7.3. Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Tại các thời điểm nghiệm thu hoàn thành hạng mục, chuyển giai đoạn trong quá trình thi công Nhà thầu phải có Báo cáo về chất lượng, tiến độ công việc tới đại diện Chủ đầu tư

- Khi hoàn thành công trình Nhà thầu tư vấn phải có báo cáo về chất lượng, an toàn, tiến độ thi công công trình theo quy định.

- Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm báo cáo các nội dung khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

1. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của Tư vấn giám sát trưởng

- Tư vấn giám sát trưởng là người trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định và các điều khoản hợp đồng đã ký kết giữa nhà thầu tư vấn giám sát với chủ đầu tư.

- Tư vấn giám sát trưởng có các nhiệm vụ chính sau đây:

a) Tổ chức soạn thảo đề cương chi tiết thực hiện nhiệm vụ TVGS, lập kế hoạch, tiến độ giám sát thi công và nghiệm thu đến từng công tác xây dựng, báo cáo nhà thầu tư vấn giám sát xem xét xác nhận để trình chủ đầu tư chấp thuận thực hiện.

b) Xác định cơ cấu nhân lực thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình và chức năng các thành viên; Thành lập văn phòng hiện trường và các nhóm tư vấn giám sát; Phân công công việc cho thành viên của văn phòng và các nhóm tư vấn giám sát.

c) Báo cáo trực tiếp tới chủ đầu tư và thông báo cho các đơn vị liên quan về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của từng thành viên văn phòng, đề cương, trình tự thực hiện, kế hoạch, tiến độ giám sát thi công và nghiệm thu từng công tác xây dựng.

d) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và nội dung hợp đồng TVGS được nhà thầu tư vấn giao.

đ) Chịu trách nhiệm chính báo cáo chủ đầu tư về các nội dung sau: + Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định.

+ Kiểm tra năng lực các nhà thầu phụ mà tổng thầu hoặc nhà thầu chính chọn.

+ Kiểm tra thiết kế tổ chức thi công, phương án kỹ thuật thi công và kế hoạch tiến độ thi công.

+ Thẩm tra danh mục vật liệu cùng quy cách và chất lượng mà nhà thầu thi

công xây dựng đưa ra trong hợp đồng thi công xây dựng.

+ Kiểm tra chất lượng của vật liệu, cấu kiện và thiết bị, kiểm tra biện pháp an toàn phòng cháy.

e) Tổ chức kiểm tra tiến độ thi công, chất lượng thi công; nghiệm thu công việc, giai đoạn xây dựng, bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình; ký chứng từ thanh toán.

g) Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện của các nhóm, các thành viên tư vấn giám sát theo nội dung hợp đồng tư vấn giám sát đã ký với chủ đầu tư.

h) Đề xuất chủ trương hoặc báo cáo nhà thầu tư vấn đề đề xuất đối với các vấn đề kỹ thuật phức tạp, quan trọng.

j) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình.

k) Tổng hợp và lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất theo quy định hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Cung cấp cho chủ đầu tư tất cả tài liệu phân tích về đền bù, tranh chấp chất lượng; đề xuất ý kiến có tính quyết định về phía người giám sát.

- Tư vấn giám sát trưởng có quyền hạn theo phân công trách nhiệm của Nhà thầu.

- Tư vấn giám sát trưởng có nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm chính trước nhà thầu TVGS và chủ đầu tư về quản lý điều hành các nhóm giám sát tại hiện trường; thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

b) Báo cáo nhà thầu tư vấn giám sát và chủ đầu tư tình hình thực hiện các nội dung liên quan đến giám sát xây dựng tại hiện trường trong các trường hợp: định kỳ theo quy định, khi được yêu cầu, khi thấy cần thiết.

2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các tư vấn giám sát viên

a) Giám sát và trực tiếp kiểm tra theo dõi quá trình thi công của nhà thầu tại hiện trường về việc thực hiện đúng bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt và tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án, công trình; ghi chép, nhận xét, đánh giá chi tiết tình hình triển khai công việc hàng ngày của nhà thầu thi công vào nhật ký thi công và phải ký ghi rõ họ tên theo quy định.

b) Báo cáo ngay cho kỹ sư thường trú hoặc kỹ sư chuyên ngành và nhắc nhở nhà thầu thi công xây dựng về những sai khác hoặc có nguy cơ sai sót khi thi công so với thiết kế hoặc so với biện pháp thi công được phê duyệt.

c) Phải thường xuyên có mặt tại hiện trường kiểm tra, hướng dẫn, nhắc nhở, theo dõi và ghi lại các chi tiết có liên quan đến các hạng mục thi công của nhà thầu theo sự phân công của kỹ sư thường trú.

d) Thường xuyên kiểm tra toàn diện các công tác thi công trên công trường, đối chiếu tiến độ thi công chi tiết các hạng mục công việc, công trình được duyệt

và thực tế để kịp thời yêu cầu nhà thầu thi công khắc phục, điều chỉnh hoặc báo cáo kỹ sư chuyên ngành.

đ) Chịu trách nhiệm trước tư vấn giám sát trưởng, kỹ sư thường trú, kỹ sư chuyên ngành và pháp luật về những sai sót do mình gây ra.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác và nhanh chóng cho nhà thầu trúng thầu các thông

tin như: thông tin về pháp nhân và các thông tin dữ liệu có sẵn để nhà thầu trúng thầu thực hiện hợp đồng, đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin đó.

- Tạo điều kiện làm việc tốt cho nhà thầu trúng thầu

- Tiến hành giám sát, đánh giá việc triển khai của nhà thầu trúng thầu.

- Chủ đầu tư là người quyết định cuối cùng về tất cả các vấn đề liên quan đến dự án.

- Quan hệ chính thức với tất cả các nhà thầu khác có liên quan đến dự án bằng hợp đồng hoặc thỏa thuận riêng trong khuôn khổ luật pháp cho phép;

- Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng với Tư vấn giám sát theo quy định trong hợp đồng tư vấn giám sát và theo pháp luật;

- Thông báo cho các bên liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát;

- Xử lý kịp thời những đề xuất của Tư vấn giám sát;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng ký kết với Tư vấn giám sát;

- Không được thông đồng hoặc dùng ảnh hưởng của mình để áp đặt làm sai lệch kết quả giám sát;

- Lưu trữ kết quả Giám sát toàn bộ thi công xây dựng công trình.